

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2018/DS-PT**

Ngày 18/9/2018

*V/v: Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Thành.

Bà Lê Thị Dung.

Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thu Trang. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, T trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 33/2018/DSPT ngày 12/7/2018 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS - ST ngày 30/5/2018 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th. Sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q.Đ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

II. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã Q.Đ, Thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ: xã Q.Đ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Lê Đình Q - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

III. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Ngọc H - SN 1950.

2. Ông Phạm Văn T – SN 1966.

3. Ông Lê Văn H – SN 1957.

4. Ông Lê Văn T – SN

5. Ông Lê Văn T – SN

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Q.Đ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

6. Ông Trần Văn T - SN

Địa chỉ: Thôn 12, xã Q.Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

7. Ông Nguyễn Quang Tr – SN 1962.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Q.Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Th (nguyên đơn).

T phiên tòa: Có mặt Nguyên đơn, bị đơn, ông H, ông T, ông H, ông T, ông Tr. Vắng mặt ông Lê Văn T (có đơn đề nghị xử vắng mặt) và ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến T phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Năm 1991 bà nhận chuyển nhượng tài sản của vợ chồng anh L người cùng thôn, đến năm 1993 UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0156929, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4 diện tích 917m², trong đó có 200m² đất ở và 717m² đất vườn mang tên Lê Thị Th. Do cuộc sống, năm 1994 bà phải đi xa, bà đã để lại toàn bộ số tài sản trên, không ủy quyền cho ai, không cho ai mượn, không cho ai thuê, không gửi ai và cũng kể từ năm 1994 đến năm 2001 bà không liên lạc gì với gia đình. Ngày 13/4/2004, mẹ bà là Chu Thị V có đơn nhượng đất và ông Hà Ngọc H khi đó là chủ tịch UBND xã Q.Đ đã lợi dụng chức vụ quyền hạn ký giấy chuyển nhượng đất cho người khác khi bà vắng nhà.

Năm 2010 ông Phạm Văn T là chủ tịch UBND xã Q.Đ đã cấu kết với một số cán bộ lập hồ sơ, giả mạo xác nhận, ký tên đóng dấu trình UBND huyện Quảng Xương, Thanh Hóa cấp lại giấy CNQSD đất số BC 867495 ngày 01/12/2010, thửa đất số 279 tờ bản đồ số 4, diện tích 875m², trong đó có 200m² đất ở và 675m² đất vườn lâu dài khi bà vắng nhà không ủy quyền cho ai cả, và chiếm giữ luôn giấy CNQSD đất.

Năm 2011 bà trở về thì tài sản của bà không còn nữa, bà đã đi khiếu nại, tố cáo đến các cơ quan từ địa phương đến Tr ương. Tháng 9/2015 UBND thành phố Thanh Hóa đã thu hồi giấy CNQSD đất số BC 867495 và cấp lại giấy CNQSD đất số CA 340243 diện tích 907 m² T thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4 mang tên Lê Thị Th. Việc thiếu 08m² so với diện tích cũ là do quá trình mở rộng đường nông thôn nên bà không thắc mắc gì.

Bà xác định lỗi này là do UBND xã Q.Đ gây ra, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND xã Q.Đ phải bồi thường thiệt hại cho tôi gồm:

- Bồi thường thiệt hại về đất: 218m² x 2.000.000đ = 432.000.000 đồng.
 - Bồi thường thiệt hại tài sản trên đất:
 - + 01 ngôi nhà cấp 4B 03 gian lợp ngói: 8m x 5m x 2.500.000đ = 100.000.000đ
 - + 01 nhà bếp cấp 4B 01 gian lợp ngói: 8m x 5m x 2.500.000đ = 40.000.000đ
 - + 01 sân phơi xi măng 8m x 7m x 500.000đ = 28.000.000đ
 - + 01 sân giếng + nhà tắm: 4m x 4m x 300.000đ = 4.800.000đ
 - + 01 giếng nước = 1.500.000đ
 - + Chuồng lợn + chuồng gà: 2,5m x 5m x 300.000đ = 6.250.000đ
 - + 01 nhà vệ sinh: 1,5m x 1,5m = 1.150.000đ
 - + Đồ dùng điện = 2.000.000đ
 - + Tiền nhân công = 50.000.000đ
- Tổng tiền bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất là 666.045.000đ
- Ngoài ra bà còn yêu cầu bồi thường các khoản:
- + Tiền nhân công và hao phí từ tháng 10/2011 đến hết tháng 8/2017 là:

2100 ngày x 150.000đ = 315.000.000đ
 + Tiền bồi thường danh dự: 70.000.000đ.

2. Theo bị đơn UBND xã Q.Đ trình bày:

Năm 1994 bà Lê Thị Th đi đâu không rõ tung tích, bà Chu Thị V là người trong coi quản L toàn bộ khu đất của bà Th. Năm 2004 bà V làm giấy ủy quyền cho con trai trưởng là anh Lê Văn T toàn bộ khu đất nói trên và có xin xác nhận của Chủ tịch UBND xã Q.Đ lúc bấy giờ là ông Hà Ngọc H. Năm 2010 ông T xin cấp lại GCNQSDĐ mang tên ông, nhưng UBND xã Q.Đ không đồng ý vì nguồn gốc đất là của bà Lê Thị Th, sau đó UBND huyện Quảng Xương đã cấp lại GCNQSDĐ mang tên bà Lê Thị Th. Năm 2011 bà Th quay trở về thì thấy nhà cũ của bà không còn nữa, ông T đã xây nhà cho Lê Văn T trên một phần diện tích đất của bà Lê Thị Th. Bà Th đã làm đơn đòi lại đất và tài sản trên đất, UBND xã Q.Đ đã H giải nhiều lần nhưng không thành, nên bà Th khiếu nại lên UBND thành phố Thanh Hóa. T kết luận số 2549/KL-UBND ngày 13/8/2014 của UBND thành phố Thanh Hóa đã kết luận:

+ Việc xác định chức trách của Chủ tịch UBND xã Q.Đ trong việc xác nhận vào đơn xin chuyển nhượng của bà V, ông T là không đúng nên đã được xử L theo quyết định số 03-QĐ/UB ngày 20/12/2013 của Đảng ủy xã Q.Đ về việc xử L kỷ luật đối với ông Hà Ngọc H nguyên Chủ tịch UBND xã Q.Đ.

+ Việc tham mưu quản L đất đai của cán bộ địa chính đã được xử L theo quyết định số 8968/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa về việc kỷ luật ông Chu Đình Đ, cán bộ địa chính UBND xã Q.Đ tham mưu không đúng cho Chủ tịch UBND xã Q.Đ ký vào đơn xin chuyển nhượng đất, cấp lại giấy CNQSDĐ khi chủ vắng nhà.

+ Lập thủ tục thu hồi giấy CNQSDĐ số BC 867495 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 01/12/2010 cho bà Lê Thị Th và hướng dẫn cho bà Th xin cấp lại giấy CNQSDĐ theo quy định hiện hành. Năm 2015 UBND TP Thanh Hóa đã cấp lại giấy CNQSDĐ cho bà Lê Thị Th theo đúng quy định.

Như vậy việc lãnh đạo, cán bộ chuyên môn của xã Q.Đ làm sai đã bị xử L, ông Hà Ngọc H đã về hưu, ông Chu Đình Đ đã chết. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu UBND xã Q.Đ bồi thường thiệt hại, quan điểm của UBND xã Q.Đ không đồng ý bồi thường và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ý kiến của ông Hà Ngọc H: Năm 1991 bà Lê Thị Th mua một mảnh đất của ông L với diện tích 200 m² đất ở và 717 m² đất vườn và được UBND xã cấp cho 2 khẩu đất nông nghiệp là bà Chu Thị V là mẹ đẻ và bà Lê Thị Th đẻ sản xuất. Năm 1994 bà Th bỏ đi Trung Quốc để lại mẹ già là bà Chu Thị V 82 tuổi. Năm 2002 bà gọi các con đến bàn nhượng lại nhà, đất cho con cả là anh T quản L sử dụng và nhận của anh T 7.000.000đ để chia cho các con, sau đó bà về ở cùng với anh T. Tháng 01/2003 bà cùng các con làm giấy nhượng đất cho anh T. Cuối năm 2003 gia đình anh Lê Văn T tháo dỡ các công trình cũ trên đất và

xây dựng một nhà ống cuối diện tích đất về phía tây cho anh Lê Văn T. Ngày 14/4/2004 anh T mang giấy nhượng đất đến UBND xã, do bận nhiều công việc nên ông không xem nội dung mà đã chứng thực vào giấy nhượng đất.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu UBND xã bồi thường thiệt hại, quan điểm không đồng ý vì việc mua, bán nhà đất giữa bà V, gia đình anh T cũng như việc phá dỡ các công trình trên đất được thực hiện trước năm 2004, mặc dù có việc chứng thực của UBND xã nhưng thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa H thành, chủ sở hữu toàn bộ diện tích đất trên vẫn là bà Th.

- Ý kiến của ông Phạm Văn T: Tháng 8/2010 ông được bầu làm chủ tịch UBND xã Q.Đ, từ tháng 7/2010 trở về trước ông chưa làm Chủ tịch xã nên việc mua bán, chuyển nhượng đất đai giữa bà Chu Thị V với các em bà Th ông không biết. Sau khi có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của bà Th, UBND xã đã hòa giải 03 lần nhưng không thành.

Về nguồn gốc đất của hộ bà Th thừa đất số 297, tờ bản đồ số 4 có nguồn gốc mua lại của hộ ông L năm 1991, khi đó bà Th ở cùng với mẹ là bà Chu Thị V, năm 1993 thì được UBND huyện Quảng Xương, Thanh Hóa cấp giấy CNQSDĐ số D0156929 cho diện tích đất hai lúa là 1.600 m² và 917 m² đất ở và đất màu (200 m² đất ở và 717 m² đất màu).

Về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 1994 bà Th bỏ nhà đi đâu không ai biết, năm 2011 bà Th mới quay trở về. Năm 2010, bà V và các em bà Th thông báo mất giấy CNQSDĐ do bão lũ, đồng thời làm đơn xin cấp lại giấy CNQSDĐ. Sau khi xem xét các loại hồ sơ quản lý đất tại xã Q.Đ, cán bộ địa chính xã là ông Chu Đình Đ đã hướng dẫn gia đình làm hồ sơ và được cấp lại giấy CNQSDĐ mang tên bà Lê Thị Th. Sau khi bà Th quay về, có đơn đề nghị xã hòa giải, tôi đã thu lại giấy CNQSDĐ từ ông Lê Văn T trả lại cho bà Th. Khi trả lại giấy CNQSDĐ tôi yêu cầu bà Th viết giấy biên nhận nhưng bà Th không viết nên chưa trả lại giấy CNQSDĐ cho bà Th. Ngày 06/11/2014 UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành quyết định thu hồi giấy CNQSDĐ và hủy bỏ giấy CNQSDĐ do UBND huyện Quảng Xương, Thanh Hóa cấp năm 2010. Năm 2015 bà Th đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp lại giấy CNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là không đúng, vì UBND xã Q.Đ không làm thủ tục chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất của bà Th. Việc nhượng đất và tài sản trên đất là do bà V và các em bà Th.

- Ý kiến của ông Trần Văn T: Ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Q.Đ nhiệm kỳ 2004 đến 2010 và Chủ tịch Mặt trận tổ quốc xã từ năm 2010 đến 2015. Trong thời gian ông công tác bà Th có đơn khiếu nại tranh chấp đất của bà Th, do đó UBND đã chủ trì hòa giải và ông là thành viên của ban hòa giải nhưng hòa giải không thành. Trong thời gian công tác ông không làm sai cũng như không gây thiệt hại về tài sản cho bà Th như nội dung đơn khởi kiện của bà Th.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu UBND xã Q.Đ bồi thường thiệt hại số tiền 660.045.000đ là không có căn cứ, không có cơ sở xem xét.

- Ý kiến của ông Nguyễn Quang Tr: Tôi làm phó và trưởng Công an xã Q.Đ từ năm 1999 đến năm 2015. Ông được biết trước năm 1994 bà Th sinh sống cùng với mẹ đẻ là bà Chu Thị V, năm 1994 bà Th bỏ đi Trung Quốc đến tháng 8/2011 bà Th quay về địa phương. Sau khi trở về địa phương bà Th đã yêu cầu nhập hộ khẩu cho bà, nhưng việc cấp sổ hộ khẩu là do Công an thành phố, tôi không biết và không cung cấp. Về giấy CNQSDĐ do UBND huyện Quảng Xương, Thanh Hóa cấp lại vào tháng 12/2010 mang tên bà Lê Thị Th, sinh năm 1956 có sổ hộ khẩu 570204088, sổ hộ khẩu này là không đúng với quy định của hồ sơ quản lý hộ khẩu của lực lượng Công an. Vì thời điểm 2010 xã Q.Đ có khoảng 1450 hộ thường trú tương ứng với hồ sơ hộ khẩu được lưu trữ trữ Công an thành phố là 1450 hồ sơ. Sổ hộ khẩu 570204088 không rõ nguồn gốc từ đâu. UBND huyện Quảng Xương cấp lại giấy CNQSDĐ là theo yêu cầu của bà gia đình bà Th và vẫn mang tên bà Lê Thị Th, xác định đây không phải là thủ tục chuyển nhượng. Do đó việc bà Th khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất với tổng số tiền 666.045.000đ là không đúng và tôi không phải là bị đơn trong vụ án như đơn khởi kiện của bà Th.

- Ý kiến của ông Lê Văn H: Năm 2010 ông được làm trưởng thôn Đông Nghĩa, xã Q.Đ, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa. Nhận được thông báo của UBND huyện Quảng Xương về việc thông báo cho các hộ, gia đình nào mà mất giấy CNQSDĐ thì khai báo để làm lại. Tôi đã thông báo cho toàn thể nhân dân, thì có hộ ông Lê Văn T báo mất giấy CNQSDĐ của chị gái là Lê Thị Th và gia đình có làm đơn đề nghị là mất giấy CNQSDĐ. Tôi xác nhận ông Lê Văn T là công dân có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đông Nghĩa, xã Q.Đ là đúng sự thật. Việc này không liên quan gì đến bà Th và tôi cũng không có lỗi gì. Do đó bà Th yêu cầu bồi thường là không có cơ sở chấp nhận.

- Ý kiến của ông Lê Văn T: Bà Lê Thị Th là chị gái ông, năm 1994 bà Th bỏ nhà đi đến năm 2011 mới quay trở về. Khi bà Th bỏ đi, toàn bộ nhà đất do mẹ ông là bà Chu Thị V trông coi quản lý. Khoảng cuối năm 2002 đầu năm 2003, bà V đã gọi tất cả các con đến họp bàn thống nhất chuyển nhượng mảnh đất ở và đất vườn cho ông để làm nhà cho cháu Lê Văn T. Cuối năm 2003 tôi và cháu T đã phá dỡ nhà cũ và xây nhà mới cho con trai tôi là Lê Văn T. Sự việc phá nhà cũ của bà Th và làm nhà cho cháu T đã hoàn thành trước năm 2004, nhưng để tránh việc tranh chấp các anh em trong gia đình nên ngày 14/4/2004 ông mới mang giấy nhượng đất lên UBND xã để xin xác nhận thì được ông Hà Ngọc H chứng thực.

- Ý kiến của anh Lê Văn T: Bà Lê Thị Th là chị gái bố tôi ông Lê Văn T. Nguồn gốc đất hiện nay anh đang sử dụng có từ năm 1991, do bà Th mua lại của ông L người cùng thôn, năm 1994 bà Th bỏ đi không thông báo đi đâu, làm gì và không tin tức với gia đình. Sau khi bà Th bỏ đi toàn bộ diện tích đất trên do bà nội anh là bà Chu Thị V quản lý, sử dụng. Do tuổi cao sức yếu nên khoảng năm 2001 – 2002 bà V gọi các con đến bàn bạc thống nhất giao khu đất này cho bố anh là ông T quản lý và bà quay về sinh sống cùng với bố mẹ anh. Hiện trạng trên đất khi đó có 01 nhà cấp 4 ba gian lợp ngói, 01 nhà bếp, 01 sân, 01 giếng

nước. Khoảng cuối năm 2002 anh và ông T đã phá dỡ toàn bộ khu nhà cũ vì nhà xây dựng đã lâu, dột nát hư hỏng không còn sử dụng được. Năm 2003 gia đình anh đã xây dựng nhà mới để anh ra ở riêng như hiện nay. Năm 2011 bà Th quay về đòi lại đất, gia đình cũng như UBND xã Q.Đ hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên bà Th đã khởi kiện đòi lại đất ra Tòa án, nhưng sau đó bà Th lại rút đơn khởi kiện. Nay bà Th khởi kiện UBND xã Q.Đ là quyền của bà Th, anh không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa quyết định: Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 604, 607, 608 BLDS; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.

Án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 11/6/2018, bà Lê Thị Th kháng cáo bản án với nội dung: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị Th kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá nên không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS, không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo, các bên không có thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Nguồn gốc tranh chấp: Năm 1991, bà Lê Thị Th nhận chuyển nhượng tài sản là nhà, đất của vợ chồng anh L người cùng thôn, đến năm 1993 bà được UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất (GCNQSDĐ) số D0156929, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 917 m², trong đó 200 m² đất ở và 717m² đất vườn mang tên bà Lê Thị Th. Năm 1994 bà Th đi đâu không có tin tức để lại toàn bộ số tài sản trên, không ủy quyền cho ai, không cho ai mượn, không cho ai thuê nên bà Chu Thị V (là mẹ đẻ, hiện nay đã chết) là người trực tiếp trông coi quản lý.

Khoảng cuối năm 2002 đầu năm 2003 (gần 10 năm sau) do không có tin tức gì của bà Th nên bà V đã gọi tất cả các con đến họp bàn thống nhất chuyển nhượng đất ở và đất vườn của bà Th cho ông Lê Văn T (con trai bà V, em trai bà Th) để làm nhà cho anh Lê Văn T (cháu của bà V, con trai ông T). Cuối năm 2003 ông T đã phá dỡ nhà cũ và xây nhà mới cho anh Lê Văn T trên phần diện tích đất của bà Th như hiện nay và để tránh việc tranh chấp trong gia đình nên ngày 14/4/2004 ông T mang giấy nhượng đất lên UBND xã để xin xác nhận và chứng thực.

Năm 2010 UBND xã Q.Đ lập hồ sơ cho UBND huyện Quảng Xương cấp lại giấy CNQSDĐ số BC 867495 ngày 01/12/2010 mang tên bà Lê Thị Th khi bà không có mặt tại địa phương. Khắc phục những thiếu sót này UBND Thành phố Thanh Hóa đã quyết định thu hồi GCNQSDĐ do UBND huyện Quảng Xương cấp năm 2010 và cấp lại giấy CNQSDĐ số CA340234 ngày 10/9/2015 cho bà Lê Thị Th. Theo giấy chứng nhận thì diện tích đất là 909 m², thiếu 08 m² so với diện tích đất được cấp năm 1993 (917m²) là do quá trình mở rộng đường nông thôn nên bà Th không thắc mắc và yêu cầu gì.

Năm 2011, bà Th trở về nhà đã làm đơn khiếu nại và được địa phương nhiều lần hòa giải nhưng bà không đồng ý. Vì vậy bà Th đã làm đơn yêu cầu UBND xã Q.Đ (nay thuộc Thành phố Thanh Hóa) do đã ký xác nhận chứng thực việc chuyển nhượng đất của bà giữa bà V và ông T năm 2004 phải bồi thường các khoản sau: về đất là 218 m² (hiện anh Lê Văn T đang làm nhà) trị giá 432.245.000đ; các tài sản trên đất trị giá 233.800.000đ; tiền công lao động từ tháng 10/2011 đến hết tháng 8/2017 (thời gian bà đi khiếu nại) là 2.100 ngày x 150.000đ/ngày = 315.000.000đ; tiền bồi thường danh dự là 70.000.000đ. Tổng cộng 1.051.054.000đ.

2.2. Xét các yêu cầu bồi thường thiệt hại:

- Yêu cầu bồi thường 218m² đất: Theo giấy CNQSDĐ số CA340234 ngày 10/9/2015 của UBND Thành phố Thanh Hóa cấp cho bà Lê Thị Th có diện tích 909m² tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, thôn 1, xã Q.Đ, thành phố Thanh Hóa. Như vậy bà Lê Thị Th đã được nhà nước công nhận diện tích đất của bà nêu trên và bà có toàn quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Còn việc anh Lê Văn T (cháu bà) đang sử dụng một phần diện tích đất của bà là vào thời điểm năm 2002 - 2003 bà Chu Thị V đã họp bàn thống nhất nhượng lại nhà, đất cho ông Lê Văn T. Nên cuối năm 2003 ông T đã làm nhà cho anh T trên một phần diện tích đất của bà Th như hiện nay. Tuy nhiên bà Th không khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T phải trả lại diện tích 218m² đất đang sử dụng của bà với lý do: “việc nội bộ của gia đình chúng tôi tự giải quyết” mà bà

yêu cầu UBND xã Q.Đ phải bồi thường 218m² đất, trị giá 432.245.000 đồng hiện nay anh T đang sử dụng.

Việc xác nhận giấy chuyển nhượng đất giữa bà V và ông T của UBND xã Q.Đ năm 2004 chưa làm phát sinh quyền sở hữu về tài sản và quyền sử dụng đất cho người khác. Vì kể từ năm 1991 đến nay thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4 thôn 1, xã Q.Đ, thành phố Thanh Hóa vẫn thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của bà Lê Thị Th. Do đó bà Th yêu cầu UBND xã Q.Đ bồi thường 218m² đất, trị giá 432.245.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Yêu cầu bồi thường tài sản trên đất, tiền mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần và danh dự: Bà yêu cầu UBND xã Q.Đ phải bồi thường thiệt hại gồm: Các tài sản trên đất trị giá là 233.800.000đ; tiền công lao động trong thời gian đi khiếu nại từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2017 là 315.000.000đ; tiền bồi thường danh dự là 70.000.000đ.

Xét thấy: Bà Chu Thị V là người trông coi quản lý nhà, đất của bà Th, do tuổi cao sức yếu, không có thông tin gì về bà Th nên năm 2002 - 2003 bà đã gọi các con họp bàn thống nhất nhượng lại khu nhà đất cho con trai là ông Lê Văn T để làm nhà cho Lê Văn T. Lời khai của ông Lê Văn T, lời khai của anh Lê Văn T cũng thừa nhận vào năm 2002 - 2003, ông T và anh T là người trực tiếp tháo dỡ các công trình trên đất để làm nhà trên một phần diện tích đất của bà Th như hiện nay. Việc tháo dỡ nhà cửa trên đất cũng như xây nhà cho anh T là do anh em trong gia đình tự làm, không xin phép và không có sự đồng ý của chính quyền địa phương. Lời khai của ông L cũng thừa nhận khi bán nhà, đất cho bà Th thì tài sản trên đất gồm: 01 nhà ngói 03 gian, 01 bếp, 01 giếng nước và sân phơi. Bà Hg Thị Thục, bà Lê Thị Mai không thừa nhận việc đã xác nhận người làm chứng như các tài liệu chứng cứ mà bà Th đã cung cấp cho Tòa án. Như vậy những thiệt hại về tài sản trên đất là do ông T và anh T gây nên và đã xảy ra từ 2002 - 2003 trước khi UBND xã Q.Đ xác nhận việc chuyển nhượng đất giữa bà V và ông T ngày 14/4/2004. Vì vậy bà Th yêu cầu UBND xã Q.Đ bồi thường thiệt hại về các tài sản trên đất là không có cơ sở chấp nhận.

Do việc bà Th yêu cầu UBND xã Q.Đ bồi thường về đất và các tài sản trên đất như đã phân tích trên và không được chấp nhận nên các yêu cầu về bồi thường tiền mất thu nhập từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2017 là 315.000.000đ, tiền bồi thường danh dự là 70.000.000đ cũng không có cơ sở để chấp nhận theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015.

* Đối với diện tích đất mà hiện nay anh Lê Văn T đang quản lý sử dụng trên phần diện tích đất của bà Th đã được cấp giấy CNQSDĐ và các thiệt hại về tài sản trên đất. Do bà Th không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không có cơ sở xem xét mà giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật cho bà Th khi có yêu cầu.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Th kháng cáo nhưng không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét, vì vậy: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Th, giữ nguyên quyết định

của bản án dân sự sơ thẩm 05/2018/DS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với các nội dung kháng cáo.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do bà Th là người cao tuổi, sống một mình, là hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định T điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Th. Giữ nguyên các quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa.

2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

- Bà Lê Thị Th không phải nộp án phí phúc thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao T HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Hùng